

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 6 – 2024

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L. Sinh năm 2002. Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã F, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Đ. Sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: Ấp C, Xã V, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị L trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Hải Đ kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2022 có Đ ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ không quan tâm lo lắng cho vợ con, không có việc làm ổn định. Sau khi cha ruột chị mất chị về sống với mẹ ruột, chị có nói với anh Đ thu xếp về sống chung để chăm sóc mẹ nhưng anh Đ không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 09/2023 âm lịch cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quốc Thịnh, sinh ngày 04/7/2023. Hiện con đang sống với chị L. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực

tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 22/4/2024, bị đơn là anh Nguyễn Hải Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và Đ ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn như chị L trình bày nhưng anh nhận thấy những mâu thuẫn này không lớn để vợ chồng ly hôn. Sau khi cha vợ mất thì chị L về bên nhà mẹ vợ ở, anh cũng đồng ý việc vợ về bên nhà mẹ vợ ở nhưng sau đó chị L nộp đơn xin ly hôn. Mặc khác có lẽ do anh không có việc làm thời gian này nên không có khả năng tài chính để chăm sóc cho vợ con. Tuy nhiên anh sẽ cố gắng xin việc để có điều kiện lo lắng cho vợ con. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con rất nhiều.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Quốc Thịnh, sinh ngày 04/7/2023. Hiện con đang sống với chị L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hải Đ đến để tham gia các phiên xét xử nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Chị L và anh Đ tự nguyện kết hôn vào ngày 09/3/2022, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2022) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị L: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị L cương quyết xin ly hôn với anh Đ vì cho rằng giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không tìm việc làm để phụ giúp kinh tế gia đình, mặc khác từ khi cha ruột chị mất, mẹ ruột chị sống một mình nên chị có trao đổi với anh Đ vợ chồng về sống chung với mẹ để chăm sóc mẹ nhưng anh Đ không đồng ý, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 09/2023 cho đến nay. Chị L trình bày trong thời gian ly thân thì anh Đ cũng không có động thái gì để vợ chồng hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn. Đối với anh Đ xác định không đồng ý ly hôn với chị L, anh cũng thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị L trình bày nhưng anh nhận thấy mâu thuẫn này không lớn đến mức vợ chồng ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa vợ chồng phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm của cả hai phía. Hiện tại cả anh chị đều xác định giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Đ cho rằng mâu thuẫn này là không lớn, tuy nhiên giữa anh, chị lại không tìm ra được tiếng nói chung và phương thức để xử lý mâu thuẫn. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc anh chị ly thân nhau từ tháng 09/2023 đến nay. Hiện chị L xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa. Hội đồng xét xử cũng tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng tuy nhiên giữa chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của anh, chị có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Quốc Thịnh, sinh ngày 04/7/2023 (giới tính: nam). Hiện con đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đối với anh Đ xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thống nhất thỏa thuận này của anh, chị phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện con đang sống cùng chị L, mặc khác cháu Thịnh chưa được 12 tháng tuổi nên giao con chung cho mẹ là chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Tại phiên hòa giải anh Đ xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn thì anh thống nhất đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L, anh Đ đều xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L phải nộp theo quy định. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị L ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Thịnh, sinh ngày 04/7/2023 cho chị Lê Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hải Đ có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, chị L phải chịu. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai số 0008334 vào ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách Nhà nước toàn bộ.

Áp phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ phải chịu là 300.000đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- **UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau**
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu